

Số: 106/2024/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

- Tên Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
Mã chứng khoán: SGT
Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp,
Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.3715 9909 Fax: 028.5437 1074
Email: info@saigontel.vn Website: www.saigontel.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính Riêng lẻ soát xét bán niên năm 2024
 - Báo cáo tài chính Hợp nhất soát xét bán niên năm 2024
 - Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Riêng lẻ và BCTC Hợp nhất soát xét bán niên năm 2024
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn www.saigontel.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 29/08/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- CV CBTT BCTC
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và Hợp nhất soát xét bán niên năm 2024 đính kèm công văn giải trình.

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền CBTT *OK*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Cẩm Phương

Số: 107/2024/CV-SGT
V/v: Giải trình lợi nhuận tại Báo cáo
tài chính soát xét bán niên năm 2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM
- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- BCTC Riêng và Hợp nhất Quý 2/2024 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã công bố ngày 30/07/2024;
- BCTC Riêng và Hợp nhất bán niên năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore Aisc ("MOORE AISC") công bố ngày 29/08/2023;
- BCTC Riêng và Hợp nhất bán niên năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore Aisc ("MOORE AISC") công bố ngày 29/08/2024.

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") xin giải trình như sau:

1. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQKD của kỳ báo cáo bán niên năm 2024 thay đổi từ 10% trở lên so với năm 2023

➤ **Tại BCTC Riêng lẻ:** Lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo riêng lẻ soát xét bán niên năm 2024 thay đổi 9% so với lợi nhuận cùng kỳ soát xét bán niên năm 2023, do lợi nhuận thay đổi dưới 10% nên Công ty không giải trình.

➤ **Tại BCTC Hợp nhất:**

Stt	Chỉ tiêu	KQKD Hợp nhất soát xét bán niên năm 2024	KQKD Hợp nhất soát xét bán niên năm 2023	Thay đổi	Tỷ lệ
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	360.838.742.219	481.865.331.768	(121.026.589.549)	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	360.838.742.219	481.865.331.768	(121.026.589.549)	
4.	Giá vốn hàng bán	281.933.501.389	379.702.853.895	(97.769.352.506)	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.905.240.830	102.162.477.873	(23.257.237.043)	-23%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	46.248.940.713	12.337.763.040	33.911.177.673	
7.	Chi phí tài chính	44.846.163.618	38.658.998.121	6.187.165.497	16%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	39.398.103.768	38.647.829.615	750.274.153	
8.	Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	3.459.513.511	5.022.918.812	(1.563.405.301)	
9.	Chi phí bán hàng	753.563.919	2.421.630.025	(1.668.066.106)	
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.557.810.845	43.413.733.826	6.144.077.019	14%
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33.456.156.672	35.028.797.753	(1.572.641.081)	-4%
12.	Thu nhập khác	1.421.878.580	671.083.726	750.794.854	
13.	Chi phí khác	13.038.335.534	838.696.335	12.199.639.199	
14.	Lợi nhuận khác	(11.616.456.954)	(167.612.609)	(11.448.844.345)	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.839.699.718	34.861.185.144	(13.021.485.426)	-37%
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.226.053.221	13.240.773.730	(5.014.720.509)	
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	201.578.733	(666.060.349)	867.639.082	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.412.067.764	22.286.471.763	(8.874.403.999)	-40%

Lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo Hợp nhất soát xét bán niên năm 2024 giảm 8,87 tỷ đồng tương ứng giảm 40% so với cùng kỳ năm 2023 là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2024 giảm 23,25 tỷ đồng tương ứng giảm 23% so với cùng kỳ năm 2023 do giảm lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại dự án TM7 tỉnh Bắc Giang theo tiến độ bàn giao căn hộ hoàn thành phần lớn ở năm 2023.
- Chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,18 tỷ đồng tương ứng tăng 16% so với cùng kỳ năm 2023 do chi phí lãi vay cho nhu cầu vốn lưu động và công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.
- Chi phí quản lý 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,14 tỷ đồng tương ứng tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023 do công ty mẹ và các công ty thành viên chuyển đổi xây dựng hệ thống quản lý công nghệ số, đầu tư đội ngũ quản lý chuyên nghiệp và thiết lập các quy trình quản lý chất lượng để chuẩn bị triển khai các dự án tiềm năng mang lại lợi nhuận trong tương lai.

2. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất bán niên năm 2024 trước và sau soát xét có biến động từ 5% trở lên

➤ **Tại BCTC Riêng lẻ:**

Stt	Chỉ tiêu	KQKD Riêng lẻ soát xét bán niên năm 2024	KQKD Riêng lẻ công bố Quý 2 năm 2024	Thay đổi	Tỷ lệ
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.605.705.139	250.605.705.139	-	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.605.705.139	250.605.705.139	-	
4.	Giá vốn hàng bán	172.695.779.539	172.695.779.539	-	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.909.925.600	77.909.925.600	-	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	40.891.381.484	40.891.381.484	-	
7.	Chi phí tài chính	47.045.209.572	41.966.547.682	5.078.661.890	12%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	35.128.213.082	35.128.213.082	-	
8.	Chi phí bán hàng	197.517.299	197.517.299	-	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.562.841.808	39.562.841.808	-	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.995.738.405	37.074.400.295	(5.078.661.890)	-14%
11.	Thu nhập khác	1.076.810.673	1.076.810.673	-	
12.	Chi phí khác	12.932.224.917	13.492.227.436	(560.002.519)	-4%
13.	Lợi nhuận khác	(11.855.414.244)	(12.415.416.763)	560.002.519	-5%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.140.324.161	24.658.983.532	(4.518.659.371)	-18%
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.777.621.871	7.217.619.352	560.002.519	8%
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(765.592.089)	(765.592.089)	-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.128.294.379	18.206.956.269	(5.078.661.890)	-28%

Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo Riêng lẻ soát xét bán niên năm 2024 giảm 5 tỷ đồng tương ứng giảm 28% so với lợi nhuận trước soát xét là do bổ sung trích lập dự phòng đầu tư theo quy định nên làm tăng chi phí tài chính lên 12% so với lợi nhuận trước soát xét.

➤ Tại BCTC Hợp nhất:

Stt	Chi tiêu	KQKD Hợp nhất bán niên năm 2024 đã soát xét	KQKD Hợp nhất 6 tháng 2024 công bố QUÝ 2	Thay đổi	Tỷ lệ
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	360,838,742,219	360,509,462,465	329,279,754	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	360,838,742,219	360,509,462,465	329,279,754	
4.	Giá vốn hàng bán	281,933,501,389	281,914,793,620	18,707,769	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78,905,240,830	78,594,668,845	310,571,985	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	46,248,940,713	46,245,085,918	3,854,795	
7.	Chi phí tài chính	44,846,163,618	39,827,605,526	5,018,558,092	13%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	39,398,103,768	39,419,144,864	(21,041,096)	
8.	Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	3,459,513,511	3,644,673,967	(185,160,456)	-5%
9.	Chi phí bán hàng	753,563,919	753,563,919	-	
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	49,557,810,845	49,247,013,860	310,796,985	
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33,456,156,672	38,656,245,425	(5,200,088,753)	-13%
12.	Thu nhập khác	1,421,878,580	1,421,878,580	-	
13.	Chi phí khác	13,038,335,534	13,598,338,053	(560,002,519)	
14.	Lợi nhuận khác	(11,616,456,954)	(12,176,459,473)	560,002,519	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21,839,699,718	26,479,785,952	(4,640,086,234)	-18%
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8,226,053,221	7,666,050,702	560,002,519	
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	201,578,733	201,578,733	-	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13,412,067,764	18,612,156,517	(5,200,088,753)	-28%

Tương tự như nội dung đã giải trình ở báo cáo Riêng lẻ vừa nêu trên, lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo Hợp nhất bán niên năm 2024 đã soát xét cũng giảm 5,2 tỷ đồng tương ứng giảm 28% so với lợi nhuận trước soát xét. Đồng thời lợi nhuận công ty liên kết 6 tháng đầu năm 2024 giảm 185 triệu đồng tương ứng giảm 5% so với trước soát xét.

Trân trọng.

CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN



NGUYỄN CẨM PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

A Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung M (028) 3715 9909
P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, TP.HCM F (028) 5437 1074

VPĐD Miền Nam
12 Phạm Đình Toái,
P.6, Q.3, TP.HCM

VPĐD Miền Bắc
193 Trích Sài,
P.Đuối, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

Chi nhánh Bắc Ninh
KCN Đại Đông - Hoàn Sơn,
Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh